TAND HUYỆN ĐỊNH HÓA **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/8/2019.
"*Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Thiện Hoàng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Mai Thị Cẩm Hoa.
2. Ông Phạm Đức Tuế.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Thị Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Định hoá, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Xóm 1, xã PH, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.
(có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn L, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: Xóm TC, xã BC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.
(vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày:

Chị và anh L kết hôn với nhau vào ngày 13/12/2010, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn chị về nhà anh L làm dâu và chung sống cùng gia đình

nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ, mặc dù chị mang thai nhưng anh L cũng không quan tâm động viên chị bao giờ, chị góp ý nhưng anh L không thay đôi nên vợ chồng hay sảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, đến đầu năm 2011 vợ chồng chính thức sống ly thân, chị về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay và không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị T xác định T cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Vũ Thị D, sinh ngày 14/11/2011, hiện nay cháu D đang ở với chị và học lớp 2 trường Tiểu học xã PH, thành phố Thái Nguyên. Ly hôn chị xin tiếp tục được nuôi con và không yêu cầu anh L phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, thu nhập của chị hiện nay được khoảng 5.000.000đ/01 tháng, đủ điều kiện để nuôi con.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai anh L xác định lời trình bầy của chị T về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, về những mâu thuẫn của vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân, về con chung như chị T trình bầy là đúng anh không bổ sung gì thêm. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhiều, chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày, cũng có lúc vợ chồng cãi, chửi nhau nhưng chỉ bình thường không có gì lớn. Anh có uống rượu nhưng không phải là thường xuyên, chị T mắng anh không chịu làm ăn, không quan tâm đến vợ là không đúng, chị T tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ tháng đầu năm 2011 cho đến nay, chị T bỏ về khi đang mang thai con đầu lòng của anh chị. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh xác định vẫn còn T cảm, không muốn gia đình tan vỡ nên muốn chị T rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Anh L xác định vợ chồng có một con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 14/11/2011, như chị T trình bày là đúng, hiện nay đang ở với chị T và học lớp 2 trường Tiểu học xã PH, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Ly hôn chị T xin nuôi con anh đồng ý để chị T tiếp tục được nuôi con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Chị T không yêu cầu anh phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, anh đồng ý.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung của vợ chồng: Anh L xác định không có, chị T trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trước khi chuyển sang phần nghị án, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH xác định: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện ĐH xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh L; Về con chung: Giao cháu Vũ Thị D, sinh ngày 14/11/2011 cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh L do chị T không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Không có, vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ theo quy định của pháp luật, tiến hành hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được do anh L vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử công khai ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

- *Về tố tụng:*

Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con mà bị đơn cư trú tại xã BC, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp, đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự, xác minh. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm

nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Vũ Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy: Sau khi kết hôn vợ chồng có thời gian ngắn hạnh phúc, tuy nhiên trong ăn ở sinh hoạt hàng ngày giữa chị T và anh L luôn xẩy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cách ăn ở, sinh hoạt, chị T góp ý nhưng anh L không thay đổi nên luôn say ra cãi vã, xúc phạm nhau. Chị T, anh L thực tế đã sống ly thân từ đầu năm 2011 cho đến nay, ngày tết, ngày lễ chị T cũng không về nhà anh L. Giữa hai vợ chồng đã không tìm được tiếng nói chung, ai cũng đi tìm cuộc sống riêng cho mình, thời gian sống ly thân đã rất lâu, anh L xác định T cảm vợ chồng vẫn còn nhưng cũng không đưa ra giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ, Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần anh L đều vắng mặt. Vì vậy yêu cầu xin được đoàn tụ của anh L là không thực tâm. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị Tg là có căn cứ, đúng thực tế cần được chấp nhận.

- Về yêu cầu xin nuôi con chung của chị T xét thấy: Chị T và anh L có một con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 14/11/2011, hiện nay cháu D đang ở với chị T và được chăm sóc, học tập tốt. Chị T có nơi ở, có việc làm, có thu nhập ổn định. Việc giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc phù hợp với nguyện vọng của chị T, của cháu D và anh L, giữ được sự ổn định về nơi ăn ở, học tập, đảm bảo quyền, L ích mọi mặt của cháu D. Vì vậy nguyên vọng xin được nuôi con của chị T là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án đã giải thích đây là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ nhưng chị T tự nguyện không yêu cầu và được anh L đồng ý. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng của chị T: Chị Đinh Thị T và anh Vũ Văn L đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T được ly hôn anh Vũ Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 14/11/2011 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được, anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Tam hoãn nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Vũ Văn L do chị Đinh Thị T tự nguyện không yêu cầu và được anh Vũ Văn L đồng ý

3. Về tài sản chung, khoản có cho vay chung, khoản nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình nhà chồng: Chị T và anh L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đinh Thị T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008622 ngày 01/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã PH, TPTN;
- Các đương sự;
- lưu Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Trần Thiện Hoàng